

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 63/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23/6/2023

"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH T**

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vy và ông Nguyễn Văn Lân.

-Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H: Ông Trương Công Khanh
- Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H (số 60 Nguyễn Huệ, thành phố H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 888/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022; về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đào Thị U, sinh năm 1985; Nơi ĐKKHKT: Lô A22 KTĐC P, phường P (Nay là Lô A22 đường T, phường G), thành phố H, tỉnh T; Chỗ ở: Xã P, thành phố H, tỉnh T - có mặt.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Văn H, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Lô A22 KTĐC P, phường P (Nay là Lô A22 đường T, phường G), thành phố H, tỉnh T - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nhân dân thành phố H, nguyên đơn chị Đào Thị U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Văn H tìm hiểu nhau và tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới tại gia đình theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh T vào ngày 29/02/2008. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh H thường xuyên uống rượu về nhà đánh đập chị, nên chị đã bỏ nhà đi và từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị U nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có hai con chung đăng ký khai sinh họ, tên là Huỳnh Thị Phương T, sinh ngày 18/10/2004 và Huỳnh Đăng K, sinh ngày 07/01/2012, hiện cả hai cháu đang ở với anh H. Do cháu Phương T đã trưởng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Huỳnh Đăng K chị đề nghị Tòa án giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến lúc trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Do chị đi làm thuê, không có chỗ ở ổn định nên chị xin không cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị U xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

Theo bản tự khai ngày 09/01/2023, bị đơn anh Huỳnh Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H thống nhất về quá trình đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn như phần trình bày của chị U. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, anh H cho rằng cuộc sống vợ chồng vẫn bình thường, không có gì xảy ra, tuy nhiên vào năm 2014, chị U tự ý bỏ nhà đi cho đến nay không liên lạc gì với anh nữa. Hiện nay anh vẫn còn yêu thương vợ con và mong muốn đoàn tụ vợ chồng để nuôi dạy con cái nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị U có hai con chung đăng ký khai sinh họ, tên là Huỳnh Thị Phương T, sinh ngày 18/10/2004 và Huỳnh Đăng K, sinh ngày 07/01/2012. Từ khi chị U bỏ nhà đi cho đến nay một mình anh nuôi các con, chị U không hề quan tâm gì đến các con. Nếu ly hôn đặt ra thì anh H xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Đăng K cho đến lúc trước thành, đủ 18 tuổi. Riêng cháu Huỳnh Thị Phương T đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Anh H không yêu cầu chị U cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H cũng xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

Tại phiên tòa, chị U vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình là xin được ly hôn anh H và giao cháu Huỳnh Đăng K cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng tiền nuôi con, chị U trình bày do hoàn cảnh của chị đi làm thuê nay đây mai đó, thu nhập không ổn định nên chị chỉ có khả năng cấp dưỡng tiền nuôi cháu Khoa mỗi tháng 1.000.000đồng. Về phía anh H, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái, nhưng nếu chị U kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Về con chung, anh đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu Khoa đến tuổi trưởng thành và đồng ý chị U cấp dưỡng tiền nuôi cháu Khoa một tháng 1.000.000đồng.

Về kiểm sát việc tuân theo pháp luật, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H có ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, tư cách pháp lý và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử theo hướng:

-Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đào Thị U và anh Huỳnh Văn H.

-Về con chung và cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa chị Đào Thị U và anh Huỳnh Văn H là giao cháu Huỳnh Đăng K, sinh ngày 07/01/2012 cho anh H tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến lúc cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị U có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Huỳnh Đăng K 1.000.000đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Huỳnh Đăng K trưởng thành, đủ 18 tuổi. Đối với cháu Huỳnh Thị Phương T đã trưởng thành, hai bên đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

-Về tài sản chung và nợ chung: Chị U và anh H cùng xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chị Đào Thị U phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Đào Thị U khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Huỳnh Văn H có địa chỉ cư trú tại: Lô A22 KTĐC Phú Hiệp, phường Phú Hiệp (Nay là Lô A22 đường Trần Quang Long, phường Gia Hội), thành phố H, tỉnh T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh T.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị U và anh Huỳnh Văn H kết hôn vào 29/02/2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú Cát (nay là phường Gia Hội), thành phố H, tỉnh T trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống đến năm 2014 giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không phù hợp về lối sống, bất đồng quan điểm, nên chị U bỏ nhà đi cho đến nay vợ chồng không còn liên lạc gì nhau nữa. Nay chị U nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh H. Quá trình giải quyết vụ án, anh H mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái. Tòa án đã tiến hành hoà giải nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa chị U kiên quyết xin được ly hôn anh H, nên anh H cũng thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn giữa chị U và anh H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

2.2 Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình chung sống chị U, anh H có hai con chung đăng ký khai sinh họ, tên là Huỳnh Thị Phương T, sinh

ngày 18/10/2004 và Huỳnh Đăng K, sinh ngày 07/01/2012, hiện đang ở với anh H. Quá trình giải quyết vụ án chị U và anh H thống nhất cháu Huỳnh Thị Phương T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Huỳnh Đăng K hai bên thỏa thuận giao cho anh H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến lúc trưởng thành, đủ 18 tuổi, cháu Khoa cũng có nguyện vọng ở với anh H. Xét việc thỏa thuận của chị U và anh H phù hợp với nguyện vọng của cháu Khoa và phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần công nhận sự thỏa thuận này của các bên đương sự.

2.3 Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị U trình bày, do hoàn cảnh hiện tại chị rất khó khăn, công việc không ổn định nên chị xin không cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nhưng tại phiên tòa giữa chị U và anh H thỏa thuận chị U có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Huỳnh Đăng K 1.000.000đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Khoa trưởng thành, đủ 18 tuổi. Việc thỏa thuận mức cấp dưỡng nuôi con và thời gian cấp dưỡng nuôi con phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị U và anh H cùng xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Về án phí: Chị U phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đào Thị U và anh Huỳnh Văn H.

2.Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Đào Thị U và anh Huỳnh Văn H là giao cháu Huỳnh Đăng K, sinh ngày 07/01/2012 cho anh Huỳnh Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Cháu Huỳnh Thị Phương T, sinh ngày 18/10/2004 đã trưởng các bên đương sự không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Đào Thị U và anh Huỳnh Văn H, chị U có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Huỳnh Đăng K 1.000.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Khoa trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Chị Đào Thị U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị U và anh H cùng xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Đào Thị U phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng. Tổng cộng là 600.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị U đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0005315 ngày 02/12/2022 tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố H. Chị U phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát NDTp H;
- Tòa án ND tỉnh T;
- Chi cục THADS Tp H;
- UBND phường G;
- Số ĐKKH 12 ngày 29/02/2008;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà

Lê Thị Phương Dung

